



Thực trạng hoạt động phòng ngừa bạo lực học đường cho học sinh ở các trường trung học cơ sở huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng

Linh Hoàng Vân Thor¹, Nguyễn Thành Nhân²

¹Trường THCS Nguyễn Trãi, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng

²Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:

Ngày nhận bài: 10/10/2024

Ngày nhận bản chỉnh sửa: 06/12/2024

Ngày nhận đăng: 09/12/2024

Ngày xuất bản: 20/12/2025

Từ khóa:

Bạo lực học đường

Cán bộ quản lý

Giáo viên

Học sinh

Phòng ngừa

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng hoạt động phòng ngừa bạo lực học đường cho học sinh ở các trường trung học cơ sở huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng theo tiếp cận các thành tố giáo dục. Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 36 cán bộ quản lý, 80 giáo viên và 357 học sinh tại 18 trường trung học cơ sở huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Kết quả nghiên cứu cho thấy tình hình bạo lực học đường diễn ra khá thường xuyên; phần lớn cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh nhận thức được vai trò của hoạt động phòng ngừa bạo lực học đường; Kết quả thực hiện nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức hoạt động phòng ngừa bạo lực học đường được đánh giá ở mức khá, mức độ tham gia của các lực lượng giáo dục khá thường xuyên, điều kiện hỗ trợ tổ chức khá đảm bảo. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai hoạt động phòng ngừa bạo lực học đường cho học sinh vẫn còn một số bất cập, hạn chế. Kết quả nghiên cứu là cơ sở thực tiễn quan trọng để đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động phòng ngừa bạo lực học đường cho học sinh ở các trường trung học cơ sở.

1. GIỚI THIỆU

Bạo lực học đường (BLHD) là thực trạng của nhiều quốc gia, kể cả với những nước có nền giáo dục phát triển, làm tốt công tác tư vấn tâm lý học đường. Tổ chức Y tế thế giới đã khẳng định: “Không có quốc gia hay cộng đồng nào là không bị ảnh hưởng bởi bạo lực. Hình ảnh và lời kể về bạo lực trên khắp các phương tiện truyền thông; nó ở trên đường phố, trong nhà, trường học, nơi làm việc... Bạo lực là một tai họa toàn cầu xé toạc cấu trúc cộng đồng và đe dọa cuộc sống, sức khỏe và hạnh phúc của tất cả mọi người” (WHO, 2002). Đây được coi một vấn nạn của ngành Giáo dục, cũng như của xã hội hiện nay, thu hút sự quan tâm của nhiều nhà khoa học; trong đó, có thể kể đến nghiên cứu của Bùi Thị Hồng (2016) với nghiên cứu BLHD ở Việt Nam hiện nay qua thông tin từ các trang báo điện tử; Nguyễn Thị Mai Hương và Nguyễn Thu Hà (2019) nghiên cứu về mối quan hệ giữa các yếu tố môi trường xã hội với BLHD; Nguyễn Thanh Huyền (2019) trong bài viết Giáo dục phòng, chống bắt nạt học đường cho học sinh (HS) các trường trung học cơ sở (THCS) đã đưa ra các biện pháp như: Nâng cao nhận thức về trách nhiệm của các em về bắt nạt học đường, về hành vi bắt nạt học đường, giáo dục kỹ năng nhận diện các biểu hiện bắt nạt học đường, giáo dục kỹ năng giao tiếp và xử lý các mối quan hệ, ngăn chặn kịp thời khi thấy các biểu hiện bắt nạt, giải quyết tình huống các mâu thuẫn các mối quan hệ trong trường, lớp và xã hội... Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) cũng đã có các văn bản chỉ đạo xây dựng trường học an toàn, phòng chống BLHD như Quyết định số 5886/QĐ-BGD-ĐT ngày 28/12/2017 ban hành Chương trình hành động phòng, chống BLHD (Bộ GD&ĐT, 2017); Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống BLHD (Chính phủ, 2017). Chỉ thị số 993/CT-BGD-ĐT ngày

Tác giả liên hệ: Linh Hoàng Vân Thor;

Địa chỉ e-mail: linhvantho@gmail.com

DOI: <https://doi.org/10.26459/jse.114.2025>

12/14/2019 của Bộ GD&ĐT về việc tăng cường giải pháp phòng, chống BLHĐ trong cơ sở giáo dục nhằm tăng cường các giải pháp phòng, chống và xử lý kịp thời các vụ BLHĐ, bảo đảm an ninh, an toàn trường học (Bộ GD&ĐT, 2019).

Hiện nay, hiện tượng BLHĐ trong các trường THCS trên địa bàn huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng có xu hướng ngày càng phức tạp, để lại những hậu quả nặng nề về thể chất, tinh thần của HS, gây ra những bức xúc trong dư luận xã hội. Để phòng ngừa BLHĐ cho HS và xây dựng trường học an toàn, thân thiện, các trường THCS huyện Đức Trọng đã thực hiện các hoạt động nhằm phòng chống BLHĐ và đã đạt được những kết quả nhất định, như: Cán bộ quản lý (CBQL) các trường THCS ngày càng nhận thức rõ hơn tác động của tình trạng BLHĐ đến hình ảnh, thương hiệu của nhà trường nên rất coi trọng việc triển khai các văn bản của Đảng, Nhà nước và Ngành về hoạt động phòng ngừa BLHĐ trong trường THCS; Hoạt động phòng ngừa BLHĐ đều được các nhà trường thực hiện với hình thức và phương pháp phong phú;... Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn tồn tại một số hạn chế: Một số GV chỉ chú trọng đến việc truyền thụ kiến thức khoa học, chưa quan tâm đúng mức đến hoạt động phòng ngừa BLHĐ cho HS; Năng lực tổ chức các hoạt động phòng ngừa BLHĐ của một số CBQL, giáo viên (GV) còn hạn chế; Sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường để tổ chức hiệu quả hoạt động phòng ngừa BLHĐ còn chưa kịp thời, thường xuyên và đồng bộ... Chính vì vậy, việc nghiên cứu hoạt động phòng ngừa BLHĐ cho HS ở các trường THCS huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng càng có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc. Kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở để đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả phòng ngừa BLHĐ cho HS ở các trường THCS.

2. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG PHÒNG NGỪA BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HUYỆN ĐỨC TRỌNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

2.1. Khái quát về quá trình khảo sát thực trạng

Khách thể khảo sát: Nhằm đánh giá thực trạng hoạt động phòng ngừa BLHĐ cho HS ở các trường THCS huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, chúng tôi tiến hành khảo sát 36 CBQL, 80 GV và 357 HS của 18 trường THCS huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Phương pháp khảo sát: Phương pháp chính là điều tra bằng bảng hỏi. Bảng hỏi được thiết kế theo thang Likert 4 bậc, tương ứng với 4 mức độ, từ 1 đến 4, cụ thể: ở mức độ đồng ý: 1 = Không đồng ý; 2 = Phần lớn không đồng ý; 3 = Phần lớn đồng ý; 4 = Đồng ý; Mức độ thường xuyên: 1 = Không bao giờ; 2 = Thỉnh thoảng; 3 = Khá thường xuyên; 4 = Rất thường xuyên. Kết quả thực hiện: 1 = Yếu; 2 = Trung bình; 3 = Khá; 4 = Tốt. Mức đánh giá theo khoảng điểm: Từ 1,00 – 1,75: Yếu/Không đồng ý/Không bao giờ; Từ 1,76 – 2,50: Trung bình/ Phần lớn không đồng ý/Thỉnh thoảng; Từ 2,51 – 3,25 = Khá/Phần lớn đồng ý/Khá thường xuyên; Từ 3,26 – 4,00 = Tốt/Đồng ý/Rất thường xuyên. Số liệu khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS 22. Các thông số thống kê được sử dụng trong nghiên cứu gồm: tỷ lệ %, điểm trung bình (ĐTB) và độ lệch chuẩn (ĐLC).

2.2. Kết quả khảo sát thực trạng hoạt động phòng ngừa bạo lực học đường ở các trường trung học cơ sở huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng

2.2.1. Thực trạng tình hình bạo lực học đường ở các trường trung học cơ sở huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng

Qua kết quả khảo sát tại bảng 1 đánh giá của HS về mức độ xảy ra các hành vi BLHĐ tại các trường THCS huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng ở bảng 1 có thể rút ra một số nhận định như sau: Hành vi thường gặp nhất là "Em từng nhận được những lời lẽ độc ác/làm tổn thương từ những cuộc gọi, hoặc tin nhắn điện thoại, tin nhắn Facebook, Zalo..." với ĐTB là 3,29. Đây là hành vi bạo lực qua không gian mạng, đang ngày càng trở nên phổ biến với sự phát triển của CNTT. Số liệu cho thấy hành vi này không chỉ diễn ra thường xuyên mà còn gây tổn thương sâu sắc cho HS. Với tỷ lệ "Rất thường xuyên" lên tới 46,5%, đây là hành vi có tỷ lệ "Rất thường xuyên" cao nhất, cho thấy đây là một vấn đề cấp bách cần sự can thiệp kịp thời. Điều này khẳng định tính nghiêm trọng và lan rộng của bạo lực qua mạng trong cộng đồng HS, có thể gây ra những ảnh hưởng tâm lý nghiêm trọng với gần một nửa số HS thừa nhận bị bạo lực qua mạng rất thường xuyên. Hành vi ít gặp nhất là "Em bị bạn bè cố ý "xin đều" hoặc lấy mất tiền, đồ dùng học tập, đồ dùng cá nhân của em" với ĐTB là 2,63. Mặc dù hành vi trấn lột vật chất có ĐTB thấp nhất, nhưng vẫn đáng chú ý khi 63,1% HS cho biết gặp phải "khá thường xuyên". Điều này cho thấy vấn đề bạo lực vật chất vẫn tồn tại, mặc dù ít phổ biến hơn so với các loại bạo lực tinh thần. Mọi hành vi trấn lột, dù không thường xuyên, vẫn có thể gây ra lo lắng và sợ hãi cho HS. Các hành vi liên quan đến bạo lực tinh thần, như gọi biệt hiệu xấu, chế giễu trước mọi người, lan truyền tin đồn sai, và bạo lực qua mạng, có mức độ xảy ra cao hơn so với bạo lực vật chất. Điều này phản ánh xu hướng hiện nay, khi BLHĐ không chỉ diễn ra dưới hình thức thể xác mà còn qua các phương tiện kỹ thuật số. Mặc dù có xu hướng giảm, nhưng các hành vi bạo lực thể chất như đấm đá, ném đồ đạc hay tẩy chay vẫn cần được quan tâm. Một phần lớn HS thừa nhận trải qua những hành vi này "khá thường xuyên", điều này đòi hỏi sự can thiệp để tạo ra một môi trường học đường an toàn hơn.

Bảng 1. Đánh giá của HS về mức độ xảy ra các hành vi BLHĐ ở các trường THCS

Stt	Hành vi	Mức độ (%)				ĐTB	ĐLC
		1	2	3	4		
1	Em bị bạn bè gọi mình bằng biệt hiệu xấu/bị đưa ra làm trò đùa, chế giễu trước mọi người.	10,0	14,2	70,3	5,5	2,71	0,67
2	Em bị bạn bè bịa đặt, vu khống, tung tin đồn sai về em hoặc đe dọa sẽ công bố những thông tin cá nhân của em cho mọi người biết.	2,0	11,5	73,3	13,1	2,97	0,62
3	Bạn bè từng cố tình làm người khác hiểu lầm, trách móc, không thích hoặc xa lánh em.	2,1	20,6	70,2	7,1	2,82	0,78
4	Các bạn có chủ ý loại em ra khỏi nhiều việc, tẩy chay em khỏi nhóm bạn, hoàn toàn bỏ lơ em.	5,5	15,8	61,5	17,3	2,90	0,76
5	Em từng nhận được những lời lẽ độc ác/làm tổn thương từ những cuộc gọi, hoặc tin nhắn điện thoại, tin nhắn facebook, zalo...	2,0	13,6	37,9	46,5	3,29	0,81
6	Em bị dọa, bị ép làm những việc em không muốn (như phải làm bài tập, chép bài, nhắc bài cho bạn hoặc phải chờ bạn đi học,...).	7,1	20,7	59,1	13,1	2,78	0,79
7	Em bị bạn bè đâm, đá hoặc dùng giày, dép, que gậy, sách vở, ... tấn công.	13,7	20,6	55,6	10,1	2,62	0,84
8	Em bị bạn bè giật tóc, bạt tai, xô đẩy, hắt nước hoặc ném đồ đạc vào người.	7,5	23,8	40,4	28,3	2,89	0,90
9	Bạn bè từng dùng vũ lực để “nhốt” em trong phòng học hoặc trong nhà vệ sinh.	11,3	19,0	61,2	8,5	2,66	0,74
10	Em bị bạn bè cố ý “xin đều” hoặc lấy mất tiền, đồ dùng học tập, đồ dùng cá nhân của em.	5,0	16,8	74,2	4,0	2,77	0,60
11	Bạn bè từng cố ý làm hỏng sách vở, đồ dùng học tập, đồ dùng cá nhân của em.	9,0	16,3	64,6	10,1	2,76	0,74
12	Bạn bè từng ép em phải cho họ tiền hoặc mua đồ ăn, mua đồ dùng học tập, đồ đạc cá nhân cho họ.	10,0	21,8	63,2	5,0	2,63	0,71

Chú thích: 1. Không bao giờ; 2. thỉnh thoảng; 3. Khá thường xuyên; 4. Rất thường xuyên

Các số liệu cho thấy sự phổ biến của cả bạo lực tinh thần lẫn thể chất trong trường học, với bạo lực tinh thần qua mạng đang trở thành vấn đề nổi cộm. Để giảm thiểu các hành vi BLHĐ, cần có sự vào cuộc đồng bộ từ nhà trường, gia đình và xã hội nhằm xây dựng một môi trường học đường lành mạnh và an toàn hơn cho HS.

2.2.2. Nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh về vai trò của hoạt động phòng ngừa bạo lực học đường ở trường trung học cơ sở

Bảng 2. Nhận thức của CBQL, GV và HS về vai trò của hoạt động phòng ngừa BLHĐ cho HS THCS

Stt	Vai trò	CBQL, GV			HS		
		ĐTB	ĐLC	TB	ĐTB	ĐLC	TB
1	Giúp nhà trường ngăn ngừa, không để xảy ra các vụ BLHĐ.	3,11	0,68	5	2,81	0,66	5
2	Đảm bảo môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện.	3,32	0,75	2	2,95	0,52	4
3	Phòng ngừa, phát hiện ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm nhằm giảm thiểu BLHĐ của HS.	3,07	0,64	6	3,24	0,86	1
4	Giúp HS biết yêu thương, tôn trọng lẫn nhau.	3,33	0,71	1	2,52	0,71	6
5	Tạo sự an tâm cho cha mẹ HS và HS.	3,17	0,73	4	2,96	0,86	3
6	Góp phần xây dựng văn hóa trường học lành mạnh, thân thiện.	3,26	0,85	3	3,08	0,91	2

Dữ liệu ở bảng 2 cho thấy CBQL và GV đánh giá cao vai trò “Giúp HS biết yêu thương, tôn trọng lẫn nhau” với ĐTB = 3,33, xếp thứ nhất. CBQL và GV nhận thấy hoạt động phòng ngừa BLHĐ cho HS không chỉ là biện pháp bảo vệ mà còn giúp xây dựng giá trị đạo đức cho HS, khuyến khích sự yêu thương và tôn trọng trong mối quan hệ giữa các em. Ngược lại, vai trò "Phòng ngừa, phát hiện ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm nhằm giảm thiểu BLHĐ của HS" được CBQL và GV đánh giá thấp nhất với ĐTB=3,07, xếp thứ

sáu. Họ cảm thấy các biện pháp phòng ngừa và xử lý chưa đủ mạnh để ngăn chặn triệt để các hành vi BLHĐ, hoặc cần thêm sự hỗ trợ từ bên ngoài. Đối với HS, họ đánh giá cao nhất vai trò "Phòng ngừa, phát hiện ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm nhằm giảm thiểu BLHĐ của HS" với ĐTB = 3,24, xếp thứ nhất. HS quan tâm đến việc có những biện pháp cụ thể để giảm thiểu BLHĐ, đồng thời nhận thức rõ ràng về sự cần thiết của những hành động thực tiễn trong việc phòng ngừa BLHĐ. Vai trò "Giúp HS biết yêu thương, tôn trọng lẫn nhau" lại được đánh giá thấp nhất bởi HS với ĐTB = 2,52, xếp thứ sáu. Điều này cho thấy HS chưa hoàn toàn nhận thức được tầm quan trọng của việc xây dựng các giá trị đạo đức trong việc ngăn ngừa BLHĐ, hoặc không cảm nhận rằng hoạt động giáo dục hiện tại đã truyền đạt đủ sâu sắc về vấn đề này.

CBQL và GV tập trung nhiều hơn vào việc xây dựng môi trường giáo dục về mặt đạo đức và giá trị, nhấn mạnh đến sự yêu thương, tôn trọng lẫn nhau trong mối quan hệ giữa HS. Trong khi đó, HS có xu hướng đánh giá cao các biện pháp phòng ngừa thực tiễn và xử lý hành vi BLHĐ, nhưng lại chưa nhận thức đủ rõ ràng về vai trò của tình yêu thương và tôn trọng trong việc ngăn chặn BLHĐ. Cả hai nhóm đều đồng ý về tầm quan trọng của việc "Đảm bảo môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện" với CBQL và GV đánh giá cao (ĐTB = 3,32) và HS cũng đánh giá tích cực (ĐTB = 2,95), cho thấy đây là mục tiêu chung của các hoạt động giáo dục phòng ngừa BLHĐ. Từ kết quả khảo sát, nghiên cứu cho thấy tình trạng BLHĐ ở trường THCS đang diễn ra ngày càng gia tăng và phức tạp với các mức độ khác nhau. Hầu hết các CBQL, GV và HS đều xác định rõ tầm quan trọng của việc giáo dục HS trong công tác phòng ngừa BLHĐ. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận HS chưa nhận thức đầy đủ về vai trò của công tác này, điều này cần được chú trọng để nâng cao hiệu quả hoạt động phòng ngừa BLHĐ cho HS trong môi trường học đường.

2.2.3. Thực trạng về nội dung hoạt động phòng ngừa bạo lực học đường cho học sinh ở các trường trung học cơ sở huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng

Bảng 3. Đánh giá của CBQL, GV và HS về mức độ thực hiện nội dung hoạt động phòng ngừa BLHĐ cho HS THCS

Stt	Nội dung	CBQL, GV			HS		
		ĐTB	ĐLC	TB	ĐTB	ĐLC	TB
1	Nhận diện các hành vi BLHĐ.	3,07	0,65	7	3,24	0,97	4
2	Giáo dục HS nhận thức rõ về bản chất, nguyên nhân, tác hại của BLHĐ.	3,25	0,84	1	3,15	0,97	1
3	Đấu tranh với các biểu hiện có hành vi BLHĐ.	3,09	0,71	6	2,80	0,84	3
4	Giáo dục ý thức chấp hành pháp luật, nội quy trường lớp.	3,22	0,82	3	3,21	0,94	4
5	Giáo dục cách xử lý khi thấy BLHĐ xảy ra.	3,13	0,72	4	2,64	0,50	2
6	Giáo dục các cách ứng xử, giải quyết các vấn đề trong quan hệ bạn bè để tránh các hành vi BLHĐ.	3,23	0,76	2	2,61	0,60	7
7	Giáo dục các giá trị sống nhằm ngăn ngừa phòng ngừa BLHĐ ở HS như giá trị: yêu thương, chia sẻ, trách nhiệm, vị tha...	3,02	0,82	8	2,65	0,52	8
8	Giáo dục các kỹ năng sống nhằm ngăn ngừa phòng ngừa BLHĐ ở HS như kỹ năng: Giải quyết xung đột, quản lý cảm xúc, giao tiếp không bạo lực...	3,12	0,87	5	2,70	0,80	6

Dữ liệu khảo sát ở bảng 3 cho thấy nội dung hoạt động phòng ngừa BLHĐ cho HS của các nhà trường đã được thực hiện với các mức độ khác nhau, chủ yếu ở mức "thỉnh thoảng" và "khá thường xuyên". Về phía CBQL và GV, nội dung "Giáo dục HS nhận thức rõ về bản chất, nguyên nhân, tác hại của BLHĐ" được đánh giá cao nhất với ĐTB = 3,25, xếp thứ nhất. Các CBQL và GV nhận thức được tầm quan trọng của việc giúp HS hiểu rõ bản chất và hậu quả của BLHĐ để có thể phòng ngừa hiệu quả. Ngược lại, nội dung "Giáo dục các giá trị sống nhằm ngăn ngừa BLHĐ" được đánh giá thấp nhất với ĐTB = 3,02, xếp thứ tám. Các giá trị sống như yêu thương, chia sẻ, trách nhiệm chưa được nhấn mạnh đủ trong chương trình giáo dục hiện tại hoặc chưa mang lại hiệu quả cao từ góc nhìn của CBQL và GV. Đối với HS, các em cũng đánh giá cao nhất nội dung "Giáo dục HS nhận thức rõ về bản chất, nguyên nhân, tác hại của BLHĐ" với ĐTB = 3,15, đứng đầu bảng. HS nhận thức rõ và quan tâm đến việc hiểu về BLHĐ, đặc biệt là các nguyên nhân và tác động của nó. Tuy nhiên, các em đánh giá thấp nhất nội dung "Giáo dục các giá trị sống nhằm ngăn ngừa BLHĐ" với ĐTB = 2,65, xếp thứ tám. Điều này cho thấy HS có thể chưa cảm nhận được rõ tầm quan trọng của các giá trị sống trong việc ngăn ngừa BLHĐ, hoặc cách giáo dục các giá trị này chưa hấp dẫn đối với các em. Cả CBQL, GV và HS đều đánh giá cao nội dung "Giáo dục nhận thức về bản chất, nguyên nhân, tác hại của BLHĐ," cho thấy đây là nội dung quan trọng nhất trong việc phòng ngừa BLHĐ cho HS từ cả góc độ quản lý, GV và HS. Ngược lại, nội dung "Giáo dục các giá trị sống" được đánh giá thấp nhất bởi cả hai nhóm,

điều này gợi ý rằng cần có sự cải thiện trong cách thức giáo dục các giá trị như yêu thương, chia sẻ và trách nhiệm. Cần phải đổi mới phương pháp tiếp cận để các giá trị này trở nên thực tiễn và có ý nghĩa hơn đối với HS. HS có xu hướng đánh giá cao các phương pháp thực hành hơn, như giáo dục cách xử lý khi thấy BLHĐ xảy ra và tạo tình huống có vấn đề để HS đóng vai giải quyết. Điều này phản ánh mong muốn tham gia vào các hoạt động thực tế để rèn luyện kỹ năng. Để tổ chức tốt việc hoạt động phòng ngừa BLHĐ cho HS, nhà trường không chỉ chú trọng vào một vài nội dung hoạt động riêng lẻ mà cần kết hợp mọi nội dung khác nhau để tạo nên một phong trào hoạt động sôi nổi ở mọi nơi, mọi lúc trong việc phòng ngừa BLHĐ. Nếu các nội dung này được mở rộng kết hợp với các hình thức hoạt động phong phú hơn, chắc chắn sẽ tác động tích cực đến nhận thức của HS và việc hạn chế, bài trừ BLHĐ ra khỏi học đường sẽ dễ dàng thực hiện hơn.

2.2.4. Thực trạng về hình thức tổ chức hoạt động phòng ngừa bạo lực học đường cho học sinh ở các trường trung học cơ sở huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng

Bảng 4. Đánh giá của CBQL, GV và HS về mức độ thực hiện hình thức tổ chức hoạt động phòng ngừa BLHĐ cho HS

TT	Hình thức tổ chức	CBQL, GV			HS		
		ĐTB	ĐLC	TB	ĐTB	ĐLC	TB
1	Thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp/hoạt động trải nghiệm theo chủ đề.	3,02	0,81	5	2,93	0,81	4
2	Mời chuyên gia về tổ chức tập huấn hoặc nói chuyện.	2,50	0,62	8	2,84	0,81	5
3	Thông qua sinh hoạt lớp.	3,10	0,78	4	3,20	0,79	1
4	Thông qua sinh hoạt dưới cờ.	2,52	0,73	7	2,55	0,56	8
5	Thông qua các hoạt động của Đội thiếu niên và Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.	3,23	0,74	1	2,64	0,53	7
6	Thông qua hoạt động tự rèn luyện, tự tu dưỡng của HS.	3,22	0,75	2	2,66	0,61	6
7	Thông qua hoạt động dạy học.	2,98	0,77	6	3,01	0,71	3
8	Tổ chức các câu lạc bộ về các chủ đề nhằm ngăn ngừa BLHĐ ở HS.	3,13	0,81	3	3,14	0,74	2

Về phía CBQL và GV, dữ liệu ở bảng 4 cho thấy hình thức “Các hoạt động của Đội thiếu niên và Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh” (ĐTB = 3,23) được đánh giá cao nhất. Đây là hình thức giáo dục mà CBQL và GV tin tưởng, cho thấy sự công nhận về vai trò của các tổ chức này trong việc giáo dục HS về phòng ngừa BLHĐ. Các hoạt động của Đội và Đoàn được xem là hiệu quả trong việc tạo ra môi trường học tập tích cực. CBQL và GV nhận thức rõ vai trò quan trọng của các hoạt động Đội và Đoàn trong hoạt động phòng ngừa BLHĐ, nhờ vào các chương trình sinh hoạt và phong trào nhằm xây dựng ý thức và kỹ năng cho HS. Ngược lại, hình thức “Mời chuyên gia về tổ chức tập huấn hoặc nói chuyện” (ĐTB = 2,50) có mức đánh giá thấp nhất. Việc mời chuyên gia chưa được thực hiện thường xuyên hoặc không đạt hiệu quả cao. Cần cải thiện để tăng cường kiến thức và kỹ năng cho GV trong công tác phòng ngừa. Mặc dù việc mời chuyên gia về tổ chức tập huấn hoặc nói chuyện là hình thức quan trọng nhưng không được thực hiện thường xuyên và không tạo ra tác động mạnh mẽ đối với CBQL và GV như các hình thức khác.

Về phía HS, hình thức “Sinh hoạt lớp” (ĐTB = 3,20) được đánh giá cao nhất, cho thấy đây là một không gian quan trọng để thảo luận và giáo dục về vấn đề BLHĐ. Điều này phản ánh sự cần thiết của các hoạt động lớp học trong việc tạo ra sự kết nối và hỗ trợ giữa GV và HS. HS cảm thấy sinh hoạt lớp là một kênh quan trọng để trao đổi trực tiếp với GV và bạn bè về các vấn đề liên quan đến BLHĐ. Ngược lại, hình thức “Thông qua sinh hoạt dưới cờ” (ĐTB = 2,55) có mức đánh giá thấp nhất từ HS, cho thấy rằng các hoạt động dưới cờ chưa thật sự hấp dẫn hoặc hiệu quả trong việc truyền đạt thông điệp về phòng ngừa BLHĐ. Sinh hoạt dưới cờ thường mang tính hình thức, ít tương tác và không tạo ra hiệu quả mạnh mẽ trong mắt HS. Cần xem xét cải thiện nội dung và phương pháp tổ chức để thu hút HS hơn. Có thể thấy, có sự khác biệt trong đánh giá giữa CBQL, GV và HS về mức độ thực hiện các hình thức hoạt động phòng ngừa BLHĐ. CBQL và GV đánh giá cao các hoạt động của Đội, Đoàn, trong khi HS lại đặt niềm tin vào hoạt động sinh hoạt lớp. Do đó, cần có sự cải thiện trong các hình thức ít được đánh giá cao, như mời chuyên gia và sinh hoạt dưới cờ, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động phòng ngừa BLHĐ cho HS tại các trường THCS. Sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục và sự tham gia của HS là yếu tố quan trọng để đạt được mục tiêu này.

2.2.5. Thực trạng về phương pháp tổ chức hoạt động phòng ngừa bạo lực học đường cho học sinh ở các trường trung học cơ sở huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng

Kết quả ở bảng 5 cho thấy CBQL, GV và HS chưa thống nhất trong đánh giá về các phương pháp tổ chức hoạt động phòng ngừa BLHĐ. Đối với CBQL và GV, phương pháp “Kỷ luật nghiêm khắc đối với những HS có hành vi BLHĐ” (ĐTB = 3,23) được đánh giá cao nhất. Điều này cho thấy sự nhấn mạnh vào việc duy trì

trật tự và an toàn trong trường học, với niềm tin rằng việc áp dụng kỷ luật có thể góp phần quan trọng trong công tác phòng ngừa BLHĐ. Ngược lại, phương pháp kỷ luật tích cực (ĐTB = 2,13) có mức đánh giá thấp nhất, cho thấy có sự thiếu hiểu biết hoặc thiếu tin tưởng vào hiệu quả của phương pháp này trong việc giáo dục phòng ngừa bạo lực. Do đó, cần có sự cải thiện và đào tạo để giúp CBQL và GV nhận thức rõ lợi ích của kỷ luật tích cực. Với HS, phương pháp “Tổ chức thực hành rèn các kỹ năng ngăn ngừa BLHĐ” (ĐTB = 3,28) được đánh giá cao, cho thấy sự quan tâm và mong muốn được trang bị kỹ năng thực tiễn để phòng ngừa bạo lực. HS cảm thấy các hoạt động thực hành là cần thiết và hữu ích trong việc phát triển nhận thức và kỹ năng của mình. Trong khi đó, phương pháp “Giáo dục thông qua các trò chơi” (ĐTB = 2,55) có mức đánh giá thấp nhất từ HS, có thể cho thấy rằng các trò chơi chưa được tổ chức tốt hoặc không đủ hấp dẫn để thu hút HS. Cần xem xét lại cách thức tổ chức và nội dung của các trò chơi để cải thiện hiệu quả giáo dục. Phương pháp kỷ luật tích cực có ĐTB thấp nhất trong cả hai nhóm đánh giá, điều này cho thấy phương pháp này cần được điều chỉnh và áp dụng linh hoạt hơn để phù hợp với thực tế của nhà trường. Có sự khác biệt rõ rệt trong đánh giá giữa CBQL, GV và HS về các phương pháp tổ chức hoạt động phòng ngừa BLHĐ. CBQL và GV có xu hướng nhấn mạnh vào các biện pháp kỷ luật, trong khi HS lại ủng hộ việc rèn luyện kỹ năng thực hành. Do đó, cần có sự cải thiện trong các phương pháp ít được đánh giá cao, như kỷ luật tích cực và giáo dục qua trò chơi, nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác phòng ngừa BLHĐ. Sự phối hợp giữa lý thuyết và thực hành là yếu tố then chốt để đạt được mục tiêu giáo dục này.

Bảng 5. Đánh giá của CBQL, GV và HS về mức độ thực hiện phương pháp tổ chức hoạt động phòng ngừa BLHĐ cho HS

TT	Phương pháp tổ chức	CBQL, GV			HS		
		ĐTB	ĐLC	TB	ĐTB	ĐLC	TB
1	Thuyết trình, giảng giải về các vấn đề BLHĐ.	3,02	0,81	4	2,74	0,57	5
2	Tạo tình huống có vấn đề để HS đóng vai giải quyết.	2,51	0,62	7	3,15	0,73	2
3	Nêu những gương tốt về hành vi phòng ngừa BLHĐ.	3,10	0,81	3	2,71	0,71	6
4	Khen thưởng những tập thể, cá nhân có việc làm tốt về phòng ngừa BLHĐ.	2,55	0,63	6	2,89	0,85	3
5	Kỷ luật nghiêm khắc đối với những HS có các hành vi BLHĐ.	3,23	0,72	1	2,83	0,86	4
6	Tổ chức thực hành rèn các kỹ năng ngăn ngừa BLHĐ cho HS.	3,21	0,73	2	3,28	0,69	1
7	Giáo dục thông qua các trò chơi.	2,99	0,76	5	2,56	0,53	7
8	Phương pháp kỷ luật tích cực.	2,13	0,93	8	2,54	0,59	8

2.2.6. *Thực trạng các lực lượng tham gia hoạt động phòng ngừa bạo lực học đường cho học sinh ở các trường trung học cơ sở huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng*

Bảng 6. Đánh giá của CBQL, GV và HS về mức độ tham gia của các lực lượng trong hoạt động phòng ngừa BLHĐ cho HS

TT	Lực lượng tham gia	CBQL, GV			HS		
		ĐTB	ĐLC	TB	ĐTB	ĐLC	TB
1	Ban giám hiệu	2,95	0,83	3	3,29	0,67	1
2	GV chủ nhiệm	3,15	0,81	2	2,81	0,80	6
3	GV bộ môn	2,49	0,97	6	3,05	0,82	3
4	Tổ chức Đoàn, Đội	2,66	0,62	5	3,16	0,67	2
5	Các tổ chức quần chúng, xã hội (Hội phụ nữ, công an...)	3,25	0,70	1	2,92	0,76	4
6	Cha mẹ HS	2,81	0,80	4	2,90	0,74	5

Dựa trên đánh giá của CBQL, GV và HS về mức độ tham gia của các lực lượng trong việc hoạt động phòng ngừa BLHĐ cho HS ở bảng 6, có thể đưa ra một số nhận xét sau: có sự khác biệt về nhận thức của các lực lượng khác nhau về mức độ tham gia của các bên trong hoạt động phòng ngừa BLHĐ, với HS đánh giá cao sự tham gia của Ban Giám hiệu, tổ chức Đoàn, Đội và GV bộ môn, trong khi CBQL và GV lại đánh giá cao vai trò của GV chủ nhiệm và các tổ chức xã hội. Ban Giám hiệu được HS đánh giá cao nhất với ĐTB 3,29, mức độ tham gia của Ban Giám hiệu được HS nhận thấy là mạnh mẽ nhất (thứ bậc 1). Tuy nhiên, đánh giá từ CBQL và GV thấp hơn một chút, với ĐTB 2,94 (thứ bậc 3). Điều này cho thấy Ban Giám hiệu có vai trò quan trọng, nhưng sự tham gia có thể không được đánh giá đồng đều từ các lực lượng khác. CBQL, GV đánh giá sự tham gia của các tổ chức quần chúng, xã hội cao nhất với ĐTB = 3,25, cho thấy sự tin tưởng vào vai

trò của các tổ chức như Hội phụ nữ, công an trong việc hỗ trợ hoạt động phòng ngừa BLHĐ. Điều này cho thấy CBQL và GV nhận thức được tầm quan trọng của việc hợp tác với cộng đồng để tạo ra môi trường an toàn cho HS. GV bộ môn, với ĐTB = 2,49, có mức đánh giá thấp nhất, cho thấy sự thiếu tham gia hoặc nhận thức chưa đầy đủ về vai trò của họ trong công tác phòng ngừa BLHĐ. Điều này cần được cải thiện thông qua việc tăng cường đào tạo và khuyến khích GV bộ môn tham gia vào các hoạt động giáo dục và phòng ngừa. Với HS, GV chủ nhiệm với ĐTB = 2,81, có mức đánh giá thấp nhất từ HS, điều này có thể phản ánh sự thiếu kết nối giữa GV và HS. Cần có những biện pháp để tăng cường mối quan hệ này, giúp GV chủ nhiệm trở thành cầu nối hiệu quả hơn trong việc phòng ngừa BLHĐ. Cần có những biện pháp cải thiện mối quan hệ giữa các lực lượng giáo dục và HS, cũng như nâng cao vai trò của GV bộ môn và cha mẹ HS trong công tác này. Sự phối hợp chặt chẽ hơn giữa tất cả các bên liên quan sẽ góp phần tạo ra một môi trường học đường an toàn và thân thiện.

2.2.7. *Thực trạng về điều kiện tổ chức hoạt động phòng ngừa bạo lực học đường cho học sinh ở trường trung học cơ sở huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng*

Bảng 7. Đánh giá ý kiến của CBQL, GV về mức độ đảm bảo của các điều kiện tổ chức hoạt động phòng ngừa cho HS

TT	Điều kiện	Mức độ (%)				ĐTB	ĐLC
		Yếu	Trung bình	Khá	Tốt		
1	Kinh phí hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa BLHĐ.	3,4	19,1	44,1	33,4	3,09	0,82
2	Cơ sở vật chất, phương tiện thực hiện hoạt động phòng ngừa BLHĐ.	3,2	15,1	52,5	29,2	3,08	0,76
3	Năng lực tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục phòng ngừa BLHĐ của cán bộ, GV trong trường.	3,3	47,5	33,3	15,8	2,62	0,73
4	Chế độ chính sách cho đội ngũ thực hiện hoạt động phòng ngừa BLHĐ.	16,7	32,5	35,8	15,0	2,49	0,91
5	Sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong hoạt động phòng ngừa BLHĐ.	3,2	15,9	39,2	41,7	3,19	0,85

Kết quả nghiên cứu ở bảng 7 cho thấy các điều kiện cơ sở vật chất và trang thiết bị đảm bảo cho hoạt động phòng ngừa BLHĐ cho HS tại các trường THCS được đánh giá chủ yếu ở mức “trung bình” và “khá”. Điều này cho thấy cần có nhiều cải thiện để nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động này. Điều kiện được đánh giá cao nhất là “Sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong hoạt động phòng ngừa BLHĐ” với ĐTB = 3,19. Đây là yếu tố quan trọng và có sự đồng thuận cao về mức độ tốt. Với 41,7% ý kiến đánh giá là “tốt” và chỉ 3,3% đánh giá là “yếu,” điều này cho thấy sự phối hợp giữa các bên liên quan (gia đình, nhà trường, xã hội) là yếu tố tích cực và đóng vai trò quan trọng trong việc ngăn ngừa BLHĐ. Mối quan hệ chặt chẽ giữa ba bên này giúp tăng cường hiệu quả của các biện pháp giáo dục phòng ngừa. Ngược lại, điều kiện có ĐTB thấp nhất là “Chế độ chính sách cho đội ngũ thực hiện hoạt động phòng ngừa BLHĐ” với ĐTB = 2,49. Sự thiếu hụt và không hài lòng về chế độ chính sách dành cho những người tham gia trực tiếp vào hoạt động phòng ngừa BLHĐ cho HS là điều đáng chú ý. Tỷ lệ đánh giá mức độ “tốt” chỉ là 15%, trong khi 16,7% cho rằng chế độ chính sách là “yếu.” Do đó, cần cải thiện chế độ đãi ngộ và sự hỗ trợ cho đội ngũ cán bộ, GV để họ có động lực và khả năng tổ chức hiệu quả các hoạt động phòng ngừa BLHĐ. Cả hai điều kiện kinh phí hỗ trợ và cơ sở vật chất đều đạt ĐTB = 3,08, cho thấy mức độ đảm bảo khá tốt về mặt tài chính và cơ sở vật chất cho các hoạt động phòng ngừa BLHĐ. Tuy nhiên, vẫn cần có sự cải thiện thêm để đạt hiệu quả cao hơn. Năng lực tổ chức của cán bộ, GV chỉ đạt ĐTB = 2,62, cho thấy năng lực của đội ngũ cán bộ và GV vẫn còn hạn chế. Điều này có thể làm giảm tính hiệu quả trong việc tổ chức các hoạt động phòng ngừa BLHĐ, do đó cần có các chương trình bồi dưỡng, đào tạo kỹ năng cho CBQL, GV. Các điều kiện tổ chức hoạt động phòng ngừa BLHĐ cho HS THCS hiện đang ở mức khá, nhưng vẫn còn nhiều vấn đề cần cải thiện. Đặc biệt, cần nâng cao năng lực tổ chức của CBQL, GV và cải thiện chế độ chính sách để tạo động lực cho đội ngũ thực hiện. Sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội cần được duy trì và phát huy hơn nữa để đảm bảo hiệu quả trong hoạt động phòng ngừa BLHĐ. Mặc dù có những điều kiện đã được đánh giá tốt, như sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội, nhưng vẫn tồn tại những thách thức lớn như chế độ chính sách chưa đáp ứng được nhu cầu của đội ngũ thực hiện và năng lực tổ chức của CBQL, GV còn hạn

4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã đánh giá thực trạng hoạt động phòng ngừa ở các trường THCS huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng trên các phương diện: Nhận thức của CBQL, GV và HS về vai trò của hoạt động phòng ngừa cho

HS THCS; tình hình BLHĐ ở các trường THCS huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng; nội dung hoạt động phòng ngừa BLHĐ cho HS; hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động phòng ngừa BLHĐ; các lực lượng tham gia hoạt động phòng ngừa BLHĐ; điều kiện tổ chức hoạt động phòng ngừa BLHĐ. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tình hình BLHĐ diễn ra khá thường xuyên; phần lớn CBQL, GV và HS nhận thức được vai trò của hoạt động phòng ngừa BLHĐ; kết quả thực hiện nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức hoạt động phòng ngừa BLHĐ cho HS được đánh giá ở mức khá, mức độ tham gia của các lực lượng giáo dục khá thường xuyên, điều kiện hỗ trợ tổ chức khá đảm bảo. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai hoạt động phòng ngừa BLHĐ cho HS vẫn còn một số bất cập như: Một bộ phận CBQL, GV và HS vẫn chưa nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của hoạt động phòng ngừa BLHĐ; năng lực tổ chức các hoạt động phòng ngừa BLHĐ cho HS của một số GV còn hạn chế; sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường để tổ chức hiệu quả hoạt động phòng ngừa BLHĐ cho HS còn chưa kịp thời, thường xuyên và đồng bộ; cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục vẫn chưa thực sự đáp ứng đầy đủ yêu cầu để tổ chức hoạt động phòng ngừa BLHĐ cho HS, hình thức và phương pháp tổ chức chưa phong phú. Để nâng cao chất lượng hoạt động phòng ngừa BLHĐ cho HS ở các trường THCS huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, các nhà trường cần thực hiện các công việc sau: Nâng cao nhận thức của CBQL, GV và HS về tầm quan trọng của hoạt động giáo dục phòng ngừa BLHĐ cho HS ở trường THCS; Xây dựng kế hoạch cụ thể về phòng ngừa BLHĐ cho HS; Đẩy mạnh công tác chỉ đạo CBQL và cán bộ phụ trách công tác Đoàn, Đội tổ chức hoạt động phòng ngừa BLHĐ cho HS; Đổi mới nội dung và đa dạng hóa hình thức tổ chức hoạt động; Tăng cường phối hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường thực hiện hoạt động phòng ngừa BLHĐ cho HS ở trường THCS. Các biện pháp này cần được thực hiện một cách sáng tạo, linh hoạt và phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo Dục và Đào tạo (2017). *Quyết định số 5886/QĐ-BGD-ĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Chương trình hành động phòng, chống BLHĐ*.
- Bộ Giáo Dục và Đào tạo (2019). *Chỉ thị số 993/CT-BGD-ĐT ngày 12/14/2019 của Bộ GD-ĐT về việc tăng cường giải pháp phòng, chống BLHĐ trong cơ sở giáo dục*.
- Bùi, T. H. (2016). BLHĐ ở Việt Nam hiện nay: Thông tin qua các trang báo điện tử. *Tạp chí Thông tin khoa học xã hội*, 5, 34-41.
- Chính phủ. (2017). *Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống BLHĐ*.
- Nguyễn, T. H. (2019). Giáo dục phòng, chống bắt nạt học đường cho HS các trường THCS. *Tạp chí Giáo dục*, số đặc biệt kì 2 tháng 5, 115 – 120.
- Nguyễn, T. M. H., & Nguyễn, T. H. (2019). Một số nghiên cứu về mối quan hệ giữa các yếu tố môi trường xã hội với BLHĐ. *Tạp chí Giáo dục*, 448, 26-31
- World Health Organization (2002). *World Report on Violence and Health*. Geneva: WHO.

Current status of school violence prevention activities for students in middle schools in Duc Trong district, Lam Dong province

Linh Hoang Van Tho¹, Nguyen Thanh Nhan²

¹Nguyen Trai Lower Secondary School, Duc Trong District, Lam Dong Province

²University of Education, Hue University

ARTICLE INFO

Article history:

Received 10 October 2024

Received in revised form 06 December 2024

Accepted 09 December 2024

Published 20 December 2025

Keywords:

School violence

Administrators

Teachers

Students

Prevention

Corresponding author:

Linh Hoang Van Tho

E-mail address:

linhvantho@gmail.com

ABSTRACT

This study was conducted to evaluate the current status of school violence prevention activities for students in secondary schools in Duc Trong district, Lam Dong province according to the educational components approach. The study conducted a survey of 36 administrators, 80 teachers and 357 students at 18 secondary schools in Duc Trong district, Lam Dong province. Research results show that school violence occurs quite frequently; The majority of administrators, teachers and students are aware of the role of school violence prevention activities; The results of implementing the content, form and method of organizing school violence prevention activities are assessed at a good level, the level of participation of educational forces is quite regular, the conditions for supporting the organization are quite good ensure. However, in the process of implementing school violence prevention activities for students, there are still some shortcomings and limitations. The research results are an important practical basis to propose measures to improve the effectiveness of school violence prevention activities for students in middle schools.
